

Ngày thi: 14/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20		25							55	100		
1	142211219	NGUYỄN VĂN HÙNG	K15XDD1	0		0							HP	0.0	Không	
2	142211229	PHẠM TRỌNG KHOA	K15XDD1	5		5							3	0.0	Không	
3	142211316	LÝ HOÀNG VŨ	K15XDD1	0		0							HP	0.0	Không	
4	152212013	LÊ VĨNH LINH	K15XDD1	9		6							3	0.0	Không	
5	152212016	NGUYỄN DUY ĐÔ	K15XDD1	9		6							4	5.5	Năm phẩy Năm	
6	152212615	PHAN PHỤNG HOÀN	K15XDD1	7		6							2	0.0	Không	
7	152212628	NGUYỄN PHẠM TÚ SINH	K15XDD1	8		6							2	0.0	Không	
8	152212637	NGÔ DUY BÌNH	K15XDD1	8		6							4	5.3	Năm phẩy Ba	
9	152212638	TRẦN HUỖNH ĐÚNG	K15XDD1	7		5							2	0.0	Không	
10	152212639	NGÔ MINH NHÂN	K15XDD1	9		5							2	0.0	Không	
11	152212642	TRẦN VĂN LỢI	K15XDD1	7		5							4	4.9	Bốn phẩy Chín	
12	152212645	LÊ XUÂN TÂN	K15XDD1	7		5							4.5	5.1	Năm phẩy Một	
13	152212651	LÊ KỶ TRUNG	K15XDD1	7		6							4.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
14	152212653	PHẠM VIỆT QUỐC	K15XDD1	7		5							4	4.9	Bốn phẩy Chín	
15	152212655	HỒ HOÀNG VŨ	K15XDD1	7		6							3	0.0	Không	
16	152212657	PHẠM PHÚ CƯỜNG	K15XDD1	9		6							4	5.5	Năm phẩy Năm	
17	152212658	LÊ ĐÌNH CHINH	K15XDD1	8		6							4	5.3	Năm phẩy Ba	
18	152212665	VÕ ĐÌNH HOÀNG	K15XDD1	6		6							4	4.9	Bốn phẩy Chín	
19	152212667	PHẠM NGỌC HIẾU	K15XDD1	9		6							3	0.0	Không	
20	152212678	HOÀNG ANH HÙNG	K15XDD1	9		6							5	6.1	Sáu phẩy Một	
21	152212680	HỒ CHÍ BẢNG	K15XDD1	9		6							4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
22	152212689	NGUYỄN GIA TUẤN	K15XDD1	9		6							3	0.0	Không	
23	152212705	TRẦN VĂN TÙNG	K15XDD1	9		6							4	5.5	Năm phẩy Năm	
24	152212707	TRẦN ĐỨC HẢI	K15XDD1	8		7							5	6.1	Sáu phẩy Một	
25	152212710	TRẦN CHÍ CÔNG	K15XDD1	8		5							5	5.6	Năm phẩy Sáu	
26	152212714	NGUYỄN MINH NGHI	K15XDD1	9		5							3	0.0	Không	
27	152212724	NGUYỄN VĂN VINH	K15XDD1	9		7							3	0.0	Không	
28	152212727	VÕ HUỖNH KHẢI	K15XDD1	9		6							4	5.5	Năm phẩy Năm	
29	152212730	NGUYỄN VĂN TIỀN	K15XDD1	9		6							5	6.1	Sáu phẩy Một	
30	152212734	HỒ HẢI QUYỀN	K15XDD1	9		6							5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
31	152212735	CHU QUYẾT THẮNG	K15XDD1	9		7							7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
32	152212736	HỒ XUÂN PHÁP	K15XDD1	9		6							5	6.1	Sáu phẩy Một	
33	152212737	TRẦN TRUNG KIÊN	K15XDD1	9		6							7	7.2	Bảy phẩy Hai	
34	152212739	LÊ XUÂN PHƯƠNG	K15XDD1	9		6							4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
35	152212745	NGUYỄN HẢI	K15XDD1	8		7							4	5.6	Năm phẩy Sáu	
36	152212747	NGUYỄN VĂN THÔNG	K15XDD1	9		6							5	6.1	Sáu phẩy Một	
37	152212750	VÕ NGỌC ĐƯỜNG	K15XDD1	9		5							3	0.0	Không	
38	152212753	VÕ VĂN NGUYỄN	K15XDD1	9		5							3	0.0	Không	
39	152215524	TRẦN LONG GIANG	K15XDD1	9		5							4	5.3	Năm phẩy Ba	
40	152215958	TRẦN ĐÌNH BẢO MINH	K15XDD1	9		5							4	5.3	Năm phẩy Ba	
41	152216071	NGUYỄN XUÂN LƯƠNG	K15XDD1	8		5							4	5.1	Năm phẩy Một	
42	152220219	ĐINH VĂN TÀNG	K15XDD1	7		5							4	4.9	Bốn phẩy Chín	

Ngày thi: 14/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20		25							55	100		
43	152222777	PHẠM TẤN VẠN	K15XDD1	9		8							6	7.1	Bảy phẩy Một	
44	142211262	ĐỖ THÁI SƠN	K15XDD2	0		0						HP	0.0	Không		
45	142522783	PHAN ĐÌNH LUYẾN	K15XDD2	6		6							4	4.9	Bốn phẩy Chín	
46	152212613	NGUYỄN LÊ ANH KIỆT	K15XDD2	7		5							4	4.9	Bốn phẩy Chín	
47	152212620	NGUYỄN VĂN HÒA	K15XDD2	8		6							5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
48	152212627	NGUYỄN ĐẮC DUY	K15XDD2	8		6							5.5	6.1	Sáu phẩy Một	
49	152212631	HUỖNH THANH QUỐC	K15XDD2	9		6							7	7.2	Bảy phẩy Hai	
50	152212634	NGUYỄN VĂN TRUNG	K15XDD2	9		8							5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
51	152212636	PHẠM HỒNG THÁI	K15XDD2	8		7							2	0.0	Không	
52	152212640	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	K15XDD2	8		6							4	5.3	Năm phẩy Ba	
53	152212643	PHAN TUẤN ANH	K15XDD2	9		8							5.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
54	152212652	TRẦN HỌC	K15XDD2	0		0						V	0.0	Không		
55	152212660	NGUYỄN QUỐC VŨ	K15XDD2	9		6							4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
56	152212663	NGUYỄN MINH THIỆN	K15XDD2	8		6							4	5.3	Năm phẩy Ba	
57	152212668	TRẦN VĂN THÀNH	K15XDD2	8		6							4	5.3	Năm phẩy Ba	
58	152212669	ĐẶNG MINH CHUÂN	K15XDD2	8		8							6	6.9	Sáu phẩy Chín	
59	152212687	HỒ ĐẠI NHÂN	K15XDD2	9		6							3	0.0	Không	
60	152212688	NGUYỄN CÔNG ĐOÀN	K15XDD2	9		6							4	5.5	Năm phẩy Năm	
61	152212692	PHAN QUỐC HUY	K15XDD2	9		6							4	5.5	Năm phẩy Năm	
62	152212694	LẠI VĂN ĐỨC	K15XDD2	8		5							4	5.1	Năm phẩy Một	
63	152212696	TRỊNH NGỌC THẮNG	K15XDD2	9		7							4.5	6.0	Sáu	
64	152212704	NGUYỄN VĂN BÌNH	K15XDD2	9		6							4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
65	152212706	HOÀNG ĐỨC ĐẠT	K15XDD2	8		6							4	5.3	Năm phẩy Ba	
66	152212708	NGUYỄN DUY TƯỜNG	K15XDD2	8		5							4	5.1	Năm phẩy Một	
67	152212715	VÕ TRUNG MỸ	K15XDD2	9		7							3	0.0	Không	
68	152212718	TRẦN NGỌC NAM	K15XDD2	7		0							5	4.2	Bốn phẩy Hai	
69	152212720	LÊ VĂN TẤN HÙNG	K15XDD2	9		6							5	6.1	Sáu phẩy Một	
70	152212722	PHẠM THANH HẢI	K15XDD2	9		6							4	5.5	Năm phẩy Năm	
71	152212731	TRẦN THÀNH KHÂM	K15XDD2	8		6							3	0.0	Không	
72	152212732	ĐÀO TIẾN THƯỜNG	K15XDD2	8		6							2.5	0.0	Không	
73	152212738	ĐÀO ĐỨC MÃNH	K15XDD2	9		8							6	7.1	Bảy phẩy Một	
74	152212743	TRẦN ĐÌNH BẢO	K15XDD2	9		6							4	5.5	Năm phẩy Năm	
75	152212744	NGUYỄN ANH TUẤN	K15XDD2	8		6							3	0.0	Không	
76	152215526	ĐẶNG THÁI SƠN	K15XDD2	9		6							4	5.5	Năm phẩy Năm	
77	152215529	TÔN LONG LINH	K15XDD2	8		5							2	0.0	Không	
78	152215827	LÊ TIẾN LONG	K15XDD2	9		7							6	6.9	Sáu phẩy Chín	
79	152215829	TRƯƠNG XUÂN VINH	K15XDD2	9		6							3	0.0	Không	
80	152222784	HOÀNG QUỐC VIỆT	K15XDD2	8		7							4	5.6	Năm phẩy Sáu	
81	152222789	NGÔ ĐỨC HIẾU	K15XDD2	8		6							7	7.0	Bảy	
82	152313941	LÊ XUÂN SANG	K15XDD2	9		6							2	0.0	Không	
83	132214516	PHẠM DƯƠNG PHI	K15XDD3	7		6							4	5.1	Năm phẩy Một	
84	142211195	HUỖNH KHẮC DÂN	K15XDD3	7		6							5	5.7	Năm phẩy Bảy	

Ngày thi: 14/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				20		25							55	100		
85	142211205	NGUYỄN CÔNG ĐỨNG	K15XDD3	7		8							4	5.6	Năm phẩy Sáu	
86	152173070	VÕ PHI TUẤN	K15XDD3	9		7							4.5	6.0	Sáu	
87	152212014	TRƯƠNG VĂN VỊNH	K15XDD3	9		6							6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
88	152212015	TRẦN HỒNG ANH	K15XDD3	9		6							4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
89	152212616	NGUYỄN TRUNG THI	K15XDD3	9		6							5	6.1	Sáu phẩy Một	
90	152212617	NGUYỄN TRỌNG HOÀNG	K15XDD3	9		6							7	7.2	Bảy phẩy Hai	
91	152212618	NGUYỄN BÁ SINH	K15XDD3	9		6							6	6.6	Sáu phẩy Sáu	
92	152212623	LÊ ĐỨC TIẾN	K15XDD3	9		7							4	5.8	Năm phẩy Tám	
93	152212630	THÁI MINH HẢI	K15XDD3	9		5							5	5.8	Năm phẩy Tám	
94	152212644	NGUYỄN XUÂN ĐẠT	K15XDD3	9		8							6	7.1	Bảy phẩy Một	
95	152212646	HOÀNG THẾ THẮNG	K15XDD3	9		6							4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
96	152212649	ĐOÀN HỒNG NAM	K15XDD3	8		5							4	5.1	Năm phẩy Một	
97	152212662	TRẦN VĂN ĐỨC	K15XDD3	9		7							4	5.8	Năm phẩy Tám	
98	152212664	LƯƠNG TRUNG SƠN	K15XDD3	9		7							5	6.3	Sáu phẩy Ba	
99	152212675	TRƯƠNG THANH HUY	K15XDD3	9		6							4	5.5	Năm phẩy Năm	
100	152212676	LÊ MINH HẢI	K15XDD3	8		6							4	5.3	Năm phẩy Ba	
101	152212679	LÊ PHAN THANH BÌNH	K15XDD3	8		6							8	7.5	Bảy phẩy Năm	
102	152212682	HUỶNH VĂN THÀNH	K15XDD3	7		5							3	0.0	Không	
103	152212684	HOÀNG KIM DANH NHÂN	K15XDD3	8		5							2	0.0	Không	
104	152212686	LÊ DUY KHÁNH	K15XDD3	9		7							2	0.0	Không	
105	152212690	HỒ MINH PHƯƠNG	K15XDD3	8		8							4	5.8	Năm phẩy Tám	
106	152212691	NGUYỄN THANH LONG	K15XDD3	9		6							4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
107	152212695	LÊ THIÊN VŨ	K15XDD3	8		6							3	0.0	Không	
108	152212698	LÊ MINH TUẤN	K15XDD3	9		7							6.5	7.1	Bảy phẩy Một	
109	152212701	HOÀNG VĂN THÔNG	K15XDD3	8		6							7	7.0	Bảy	
110	152212713	NGUYỄN KHÁNH CHUNG	K15XDD3	8		7							4	5.6	Năm phẩy Sáu	
111	152212719	TRẦN VĂN VĂN	K15XDD3	8		6							5	5.9	Năm phẩy Chín	
112	152212721	NGUYỄN ĐÌNH HOÀN	K15XDD3	7		5							4	4.9	Bốn phẩy Chín	
113	152212740	ĐẶNG TUẤN ANH	K15XDD3	9		8							5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
114	152212741	HUỶNH MINH LÂM	K15XDD3	7		6							2.5	0.0	Không	
115	152212746	NGUYỄN THANH TUẤN	K15XDD3	7		5							3	0.0	Không	
116	152212751	LÊ KHẮC DƯƠNG	K15XDD3	7		6							4	5.1	Năm phẩy Một	
117	152215525	NGUYỄN CƯỜNG	K15XDD3	8		6							4	5.3	Năm phẩy Ba	
118	152215832	HOÀNG LÊ MINH	K15XDD3	7		5							4	4.9	Bốn phẩy Chín	
119	152216157	NGUYỄN ĐÌNH TẤN	K15XDD3	7		6							4	5.1	Năm phẩy Một	
120	152216196	NGUYỄN THỊ THUYẾT PHƯƠNG	K15XDD3	7		6							4	5.1	Năm phẩy Một	
121	152216199	TRẦN HỮU HÙNG	K15XDD3	7		5							4.5	5.1	Năm phẩy Một	
122	152216454	VÕ ANH QUỐC	K15XDD3	9		8							3	0.0	Không	
123	152313999	PHẠM HỮU MẠNH	K15XDD3	9		7							5	6.3	Sáu phẩy Ba	
124	111140305	ĐẶNG XUÂN THÁI	K15XDD3	0		0							HP	0.0	Không	
125	4545	TRẦN BẢO SƠN	K13XDD1	7		6							5	5.7	Năm phẩy Bảy	Thi ghép
126	0099	NGUYỄN NGỌC ĐỨNG	K14XDD	0		0							V	0.0	Không	39945DT

Ngày thi: 14/12/2013

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
				20		25						55	100		
127	1233	ĐINH HỮU LINH	K14XDD	7		6						V	0.0	Không	64012DT
128	1577	TRƯƠNG BẢO TRUNG	K14XDD	7		6						2.5	0.0	Không	64011DT
129	2434	NGUYỄN THANH HƯNG GIÁ	D16XDDB	7		5						V	0.0	Không	64023DT
130	2464	NGUYỄN ANH QUỐC	D16XDDB	7		7						V	0.0	Không	64019DT
131	2143	NGUYỄN THÁI DŨNG	K14XDD	7		5						2.5	0.0	Không	64016DT

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	91	69%	
2	Số sinh viên nợ	40	31%	
TỔNG CỘNG :		131	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2014
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Phan Thanh Tâm

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Ân